

Bản tin Phân tích kỹ thuật

28/07/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G8000 đóng cửa với tín hiệu trung tính khi một phần đà tăng bị thu hẹp quanh kháng cự 1.830 điểm. Dự báo nhịp tăng sẽ tiếp tục được duy trì về khu vực 1.850 điểm nếu xuất hiện nến đóng cửa vượt kháng cự 1.830 điểm. (M15)
- Khuyến nghị mở vị thế mua khi thỏa điều kiện trên và dừng lỗ là ngưỡng 1.820 điểm.

Chiến lược:

- Mua khi vượt (BS): 1.830 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.850 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.820 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tiêu cực	Tiêu cực
VN30	Tiêu cực	Tiêu cực
VNMid	Tiêu cực	Tiêu cực
VNSmall	Tiêu cực	Tiêu cực
HNX	Tiêu cực	Trung tính

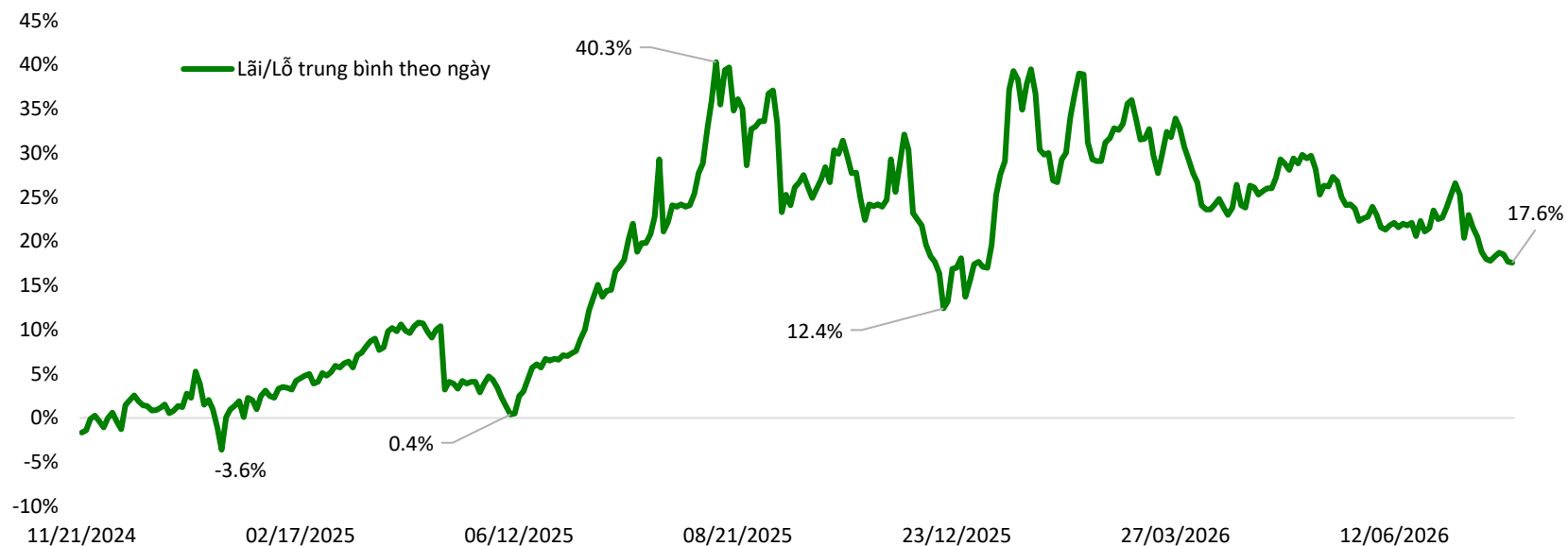


Nguồn: Vietcap

- VN-Index giảm về khu vực 1.650 điểm, sau đó lực mua bắt đầu áp đảo và duy trì ưu thế đến cuối phiên. Trong đó, Chứng khoán, Vật liệu, Tiêu dùng và Công nghệ là các nhóm thu hút lực cầu nổi bật. Các nhóm ngành còn lại cũng ghi nhận nhịp hồi phục, nhưng mức độ đồng thuận chưa cao.
- Về mặt kỹ thuật, VN-Index hồi phục cả về điểm số lẫn thanh khoản, cho thấy lực mua quanh vùng 1.650 điểm đã cải thiện rõ hơn. Theo đó, chỉ số có khả năng duy trì quán tính hồi phục hiện tại và tiếp cận vùng 1.700 điểm. Hỗ trợ gần hiện nằm tại khu vực 1.650 điểm.
- Đánh giá rủi ro, lực mua vùng thấp quanh 1.650 điểm giúp VN-Index hình thành nhịp hồi phục ngắn hạn, nhưng chưa đủ cơ sở xác nhận tín hiệu tạo đáy. Rủi ro chính nằm ở khả năng áp lực bán quay lại khi chỉ số tiếp cận vùng 1.700 điểm. Do đó, môi trường hiện tại chưa phù hợp để mở mới vị thế ngắn hạn cho đến khi lực cầu duy trì ổn định hơn tại vùng giá cao.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
TCX	25/06/2026	21/07/2026	Dừng lỗ	41,500	44,300	-6.3%	41,500	48,000		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
HPG	21,000	3.19%	0.96%	177,302	1.053	2,499	1.3	8.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	22,150	2.31%	-2.42%	178,418	0.766	3,442	1.2	6.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VHM	131,900	0.69%	-3.30%	541,768	0.692	15,766	2.1	8.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VNM	59,600	2.94%	2.05%	124,561	0.680	4,914	3.8	12.1	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Trung tính
BID	35,100	1.15%	-4.62%	255,530	0.547	4,392	1.4	8.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MWG	65,200	3.00%	-14.10%	96,220	0.537	5,551	2.7	11.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BSR	24,250	2.32%	5.21%	121,427	0.524	2,612	1.8	9.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	65,700	2.82%	1.23%	95,947	0.502	4,640	2.4	14.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	23,000	4.55%	-0.86%	57,525	0.486	2,152	1.5	10.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIC	213,800	0.14%	-1.61%	1,659,555	0.433	1,506	11.2	142.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CTG	29,000	0.87%	-4.70%	225,241	0.364	4,906	1.2	5.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VJC	123,400	-2.06%	-5.66%	94,906	-0.364	3,287	3.7	37.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MCH	138,900	1.02%	0.80%	181,599	0.344	5,436	9.7	25.6	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	28,500	0.88%	-4.36%	201,958	0.332	3,829	1.1	7.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VND	16,400	6.84%	-4.37%	24,966	0.317	1,773	1.2	9.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	76,300	-1.93%	-4.03%	68,654	-0.265	14,074	3.9	5.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
THD	122,000	-1.61%	-7.58%	46,970	-0.152	271	10.6	449.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SHS	15,000	4.90%	0.00%	13,492	0.132	1,119	1.1	13.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	17,800	2.30%	-3.78%	17,817	0.082	1,828	1.5	9.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	32,200	2.22%	-2.38%	13,442	0.060	4,454	2.0	7.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
NVB	11,200	0.90%	-3.45%	32,756	0.059	41	2.4	274.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PGS	59,000	7.66%	11.95%	3,145	0.048	2,325	3.0	27.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BAB	10,300	-1.90%	-5.50%	11,871	-0.045	1,055	0.9	9.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CEO	11,100	2.78%	-6.72%	6,613	0.037	337	1.1	32.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIF	15,000	-3.23%	0.00%	5,250	-0.034	1,382	1.0	10.9	Tiêu cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VSF	28,600	-11.73%	-8.92%	15,043	0.676	59	6.5	509.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	36,300	4.01%	7.08%	39,919	-0.614	2,210	2.8	16.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	38,800	1.04%	-2.02%	137,257	-0.548	2,980	1.9	12.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	74,600	-0.40%	-3.87%	227,306	0.349	3,657	5.1	20.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MVN	49,500	1.02%	-6.60%	59,005	-0.231	1,955	4.0	25.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ABB	17,500	1.74%	2.94%	28,098	-0.188	2,911	1.2	6.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
TBD	97,600	-14.98%	-27.70%	3,164	0.182	6,762	4.1	14.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VUA	16,100	-14.36%	5.92%	3,227	0.178	616	1.6	26.2	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HNG	6,700	4.69%	3.08%	7,410	-0.133	-870	6.2	-7.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TVN	8,700	4.82%	-8.42%	5,817	-0.107	907	0.7	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

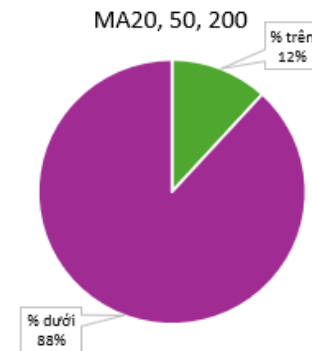
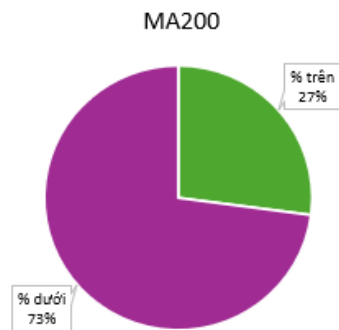
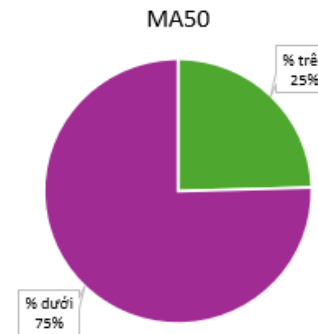
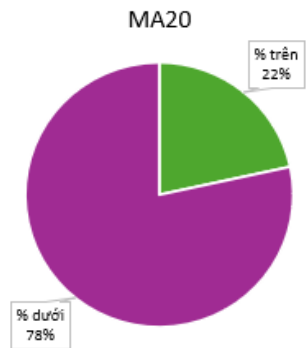
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ASP	11,600	6.9%	9.4	2.6	4,370	10,850	1.2	7.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
SHB	11,400	-0.4%	904.3	644.2	11,450	18,776	0.9	4.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VRE	21,300	-0.2%	80.2	140.8	21,350	41,916	1.0	7.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VTP	44,800	-1.5%	20.4	16.0	45,500	80,795	5.2	19.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HAH	43,900	-0.2%	17.1	30.9	44,000	68,203	1.6	5.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCS	42,600	-0.2%	5.1	6.3	42,700	59,759	2.6	5.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DDV	18,000	-0.6%	5.5	8.6	18,100	33,915	1.2	4.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KHG	4,730	-0.4%	9.1	17.6	4,750	8,700	0.4	31.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
AGG	10,950	-0.5%	6.9	3.0	11,000	21,550	0.5	4.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NRC	4,800	-2.0%	13.3	9.9	4,900	7,000	0.4	30.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MRF	26,000	0.0%	18.4	0.7	15,000	27,000	2.4	133.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			28/07/2026	27/07/2026	24/07/2026	23/07/2026	22/07/2026	21/07/2026	20/07/2026	17/07/2026
VNINDEX	MA200	Trên	18%	18%	19%	19%	17%	19%	20%	23%
		Dưới	82%	82%	81%	81%	83%	81%	80%	77%
	MA50	Trên	18%	18%	18%	19%	17%	19%	21%	26%
		Dưới	82%	82%	82%	81%	83%	81%	79%	74%
	MA20	Trên	15%	15%	14%	14%	12%	15%	16%	21%
		Dưới	85%	85%	86%	86%	88%	85%	84%	79%
VN30	MA200	Trên	20%	20%	20%	23%	23%	27%	27%	27%
		Dưới	80%	80%	80%	77%	77%	73%	73%	73%
	MA50	Trên	20%	20%	17%	20%	13%	23%	23%	23%
		Dưới	80%	80%	83%	80%	87%	77%	77%	77%
	MA20	Trên	10%	10%	7%	10%	7%	17%	17%	17%
		Dưới	90%	90%	93%	90%	93%	83%	83%	83%
HNX	MA200	Trên	25%	27%	27%	27%	29%	28%	27%	30%
		Dưới	75%	73%	73%	73%	71%	72%	73%	70%
	MA50	Trên	20%	23%	24%	23%	25%	27%	28%	30%
		Dưới	80%	77%	76%	77%	75%	73%	72%	70%
	MA20	Trên	25%	27%	27%	27%	29%	28%	27%	30%
		Dưới	75%	73%	73%	73%	71%	72%	73%	70%
UPCOM	MA200	Trên	25%	24%	24%	26%	26%	27%	27%	28%
		Dưới	75%	76%	76%	74%	74%	73%	73%	72%
	MA50	Trên	29%	29%	29%	32%	30%	31%	31%	32%
		Dưới	71%	71%	71%	68%	70%	69%	69%	68%
	MA20	Trên	32%	32%	31%	33%	33%	34%	35%	35%
		Dưới	68%	68%	69%	67%	67%	66%	65%	65%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành		Tháng 7																		
	28	27	24	23	22	21	20	17	16	15	14	13	10	09	08	07	06	03	02	01
1 Ô tô và phụ tùng	52	51	51	50	50	50	48	49	48	48	47	47	48	51	51	52	42	38	41	39
2 Tài nguyên Cơ bản	45	45	41	41	41	36	38	39	34	36	34	44	47	50	50	51	52	50	51	46
3 Điện, nước & xăng d...	36	36	37	37	38	39	44	48	39	39	39	38	41	39	39	40	43	44	47	47
4 Thực phẩm và đồ uố...	33	31	31	34	36	36	39	41	40	41	42	42	45	46	47	48	50	47	50	49
5 Ngân hàng	32	33	34	36	38	41	44	46	45	46	48	51	56	62	64	65	66	69	70	66
6 Dầu khí	28	31	25	23	23	32	37	46	49	53	43	32	32	32	25	22	26	26	31	26
7 Xây dựng và Vật liệu	28	27	27	26	25	27	29	34	34	37	36	36	37	40	41	41	44	47	49	47
8 Dịch vụ tài chính	25	30	35	35	34	36	40	45	44	48	50	53	61	67	68	68	70	67	65	60
9 Bán lẻ	24	24	28	27	25	27	30	31	35	39	38	37	43	45	43	44	49	50	54	47
10 Hóa chất	24	24	23	23	24	25	29	32	32	33	32	32	38	41	37	34	37	37	33	33
11 Hàng & Dịch vụ Côn...	22	23	24	25	26	25	30	33	34	36	37	35	37	41	42	43	47	48	52	48
12 Du lịch và Giải trí	22	23	25	26	28	31	33	39	39	42	48	49	51	55	54	56	57	58	59	59
13 Bất động sản	20	21	21	20	21	22	24	27	26	27	28	28	29	33	33	33	38	39	40	38
14 Công nghệ Thông tin	17	16	17	17	16	20	24	21	22	27	30	33	36	37	39	45	35	38	37	35
15 Hàng cá nhân & Gia ...	16	16	17	16	15	15	16	20	22	22	24	23	24	25	27	32	34	38	40	31

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STB	72,500	0.0%	-0.3%	136,678	2.2	29.5	2,454	129.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HHP	15,250	0.0%	2.3%	1,320	1.3	26.9	567	12.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ASP	11,600	6.9%	23.9%	433	1.2	7.7	1,501	9.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HCM	25,300	1.2%	-1.7%	34,154	2.3	19.1	1,325	133.7	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	17,500	1.7%	2.9%	28,098	1.2	6.0	2,911	21.3	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VPI	62,900	0.8%	1.5%	20,131	3.8	72.7	865	107.9	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VVS	99,000	-2.7%	-3.6%	4,262	4.0	3.4	29,275	19.2	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CSM	14,350	0.3%	2.9%	1,487	1.1	26.3	546	5.6	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VNM	59,600	2.9%	2.1%	124,561	3.8	12.1	4,914	310.3	Tích cực	6.5	Trung tính	Tích cực	Trung tính
LPB	53,500	-0.9%	-2.0%	159,820	3.7	14.2	3,780	139.7	Tích cực	5.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
EVS	5,900	5.4%	-3.3%	972	0.5	20.7	285	5.2	Tích cực	5.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
TNI	6,210	1.6%	-4.3%	326	0.6	5.8	1,078	9.5	Tích cực	5.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MRF	26,000	0.0%	0.0%	177	2.4	133.5	195	18.4	Tích cực	5.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MCH	138,900	1.0%	0.8%	181,599	9.7	25.6	5,436	111.4	Tích cực	4.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VTZ	20,300	0.0%	0.5%	1,546	1.7	24.7	823	20.9	Tích cực	4.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
VIC	213,800	0.1%	-1.6%	1,659,555	11.2	142.0	1,506	586.5	Trung tính	3.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
ACB	22,500	0.9%	-1.5%	130,599	1.3	8.3	2,701	350.3	Trung tính	3.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSR	36,300	4.0%	7.1%	39,919	2.8	16.4	2,210	48.0	Trung tính	3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MST	9,700	0.0%	-1.0%	1,102	0.9	34.9	278	35.1	Trung tính	3.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PSI	10,000	7.5%	3.1%	598	0.8	8.8	1,133	7.8	Trung tính	3.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BID	35,100	1.2%	-4.6%	255,530	1.4	8.0	4,392	97.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	74,600	-0.4%	-3.9%	227,306	5.1	20.4	3,657	14.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	29,000	0.9%	-4.7%	225,241	1.2	5.9	4,906	142.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	28,500	0.9%	-4.4%	201,958	1.1	7.4	3,829	295.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	63,000	1.3%	-2.8%	108,003	2.7	10.7	5,869	338.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GVR	26,350	1.3%	-3.7%	105,400	1.8	16.8	1,572	31.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MWG	65,200	3.0%	-14.1%	96,220	2.7	11.8	5,551	448.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHB	11,400	-0.4%	-3.4%	60,918	0.9	4.4	2,569	904.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VRE	21,300	-0.2%	-7.6%	48,400	1.0	7.0	3,025	80.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FOX	61,000	0.0%	-4.4%	44,574	3.5	12.2	4,936	5.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEE	63,500	0.0%	-10.6%	40,672	5.1	11.4	5,561	57.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BCM	35,550	1.3%	-10.3%	36,794	1.7	10.8	3,294	27.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	20,900	3.0%	-5.2%	27,347	1.4	18.4	1,139	239.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	16,950	3.4%	-5.3%	19,022	1.0	15.7	1,077	92.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	32,650	-0.8%	-14.4%	16,708	1.2	4.6	7,093	697.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	14,800	0.0%	-2.0%	15,811	1.5	30.2	491	38.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	36,750	2.1%	-14.5%	13,957	0.9	6.5	5,625	35.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	10,250	2.8%	-6.8%	12,998	0.9	56.0	183	125.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PDR	11,500	3.1%	-7.3%	11,475	0.9	19.0	607	172.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCG	15,350	0.3%	-1.0%	10,717	0.9	2.6	5,956	37.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	8,070	0.88%	-5.06%	25,500	216.0%	(337)	0.7	-24.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	16,950	3.35%	-5.31%	42,600	151.3%	1,077	1.0	15.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	20,600	3.00%	-11.59%	45,800	122.3%	1,599	0.8	12.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	20,900	2.96%	-5.22%	40,500	93.8%	1,139	1.4	18.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	11,200	2.75%	-6.28%	21,400	91.1%	2,973	0.9	3.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	35,750	2.44%	-2.55%	66,800	86.9%	2,896	1.8	12.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVT	16,650	2.15%	2.15%	30,800	85.0%	2,211	1.0	7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	12,600	-1.18%	-5.62%	23,100	83.3%	1,676	0.6	7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	26,950	3.45%	-4.43%	48,900	81.4%	3,213	1.1	8.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	33,600	0.90%	-0.30%	60,000	78.6%	3,781	1.1	8.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	16,100	3.87%	-2.72%	28,700	78.3%	1,635	1.0	9.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	18,000	1.69%	-1.10%	31,900	77.2%	(99)	1.2	-182.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	29,000	0.87%	-4.70%	50,000	72.4%	4,906	1.2	5.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	21,000	3.19%	0.96%	35,400	68.6%	2,499	1.3	8.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCM	30,300	4.48%	1.34%	51,000	68.3%	4,413	1.4	6.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FRT	107,700	-0.09%	-2.89%	180,100	67.2%	5,113	4.3	21.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	10,250	2.81%	-6.82%	17,000	65.9%	183	0.9	56.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	32,200	2.22%	-2.38%	52,700	63.7%	4,454	2.0	7.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
PTB	31,850	0.00%	-7.68%	52,000	63.3%	6,044	0.9	5.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	22,150	2.31%	-2.42%	36,000	62.5%	3,442	1.2	6.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

Managing Director

Brokerage

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn